

Bản án số: 18/2025/HS-ST
Ngày: 21 - 01 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nhật Duật

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Kiều; Ông Lê Phi Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lan Hương - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Điều - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 145/2025/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/QĐXXST-HS ngày 23/12/2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Thu Hồng N (tên gọi khác: không có); sinh ngày 18 tháng 5 năm 1996, tại tỉnh Quảng Ninh. Nơi cư trú: tổ A khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh N1 (đã chết) và bà Trịnh Thị Mai H; chồng: không có; có 01 con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: (1) ngày 06/9/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, (2) ngày 01/7/2020, bị Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, (3) ngày 24/3/2022, bị Công an phường H, thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo đầu thú ngày 26/02/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Thị N2 của Công ty L, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; có mặt.

- Bị hại: Anh Phạm Đức H1, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ D khu D, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Những người làm chứng:

Bà Phạm Thị T, sinh năm 1988; nơi cư trú: tổ C, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Ông Vũ Huy T1, sinh năm 1965; nơi cư trú: tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Ông Nguyễn Trung H2, sinh năm 1995; cán bộ Công an phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

Bà Trịnh Thị Mai H, sinh năm 1969; nơi cư trú: tổ A, khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thu Hồng N sử dụng ma túy từ năm 2016 và đã đi cai nghiện ma túy nhiều lần, sau khi cai nghiện về nhà có biểu hiện tâm lý bất thường hay chửi bới mẹ đẻ, múa hát một mình, cởi quần áo đi lang thang, mang chăn gối ra hiên nhà nằm ngủ.

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 26/2/2024, bà Trịnh Thị Mai H là mẹ đẻ của N gửi đơn xin đưa N đi điều trị tại Bệnh viện B, tỉnh Quảng Ninh. Ủy ban nhân dân phường H đã ra công văn số 103 ngày 26/2/2024 đề nghị Công an phường H phối hợp cùng công chức phường đưa N đi điều trị. Tổ công tác gồm: ông Vũ Huy T1 và bà Phạm Thị T (công chức phường H) phối hợp với ông Nguyễn Trung H2 và ông Phạm Đức H1 (Công an phường H) đến nhà bà H để vận động N đi bệnh viện chữa bệnh. Khoảng 10 giờ 45 phút cùng ngày, Tổ công tác đến nhà bà H nhìn thấy N đang ở sân nhà, đã tiến hành vận động, giải thích, động viên N đi khám và điều trị tại Bệnh viện B. Khi nghe thấy vậy, N bực tức không muốn đi chữa bệnh đã chạy vào khu vực nhà bếp lấy 01 con dao dài khoảng 32 cm chạy đến chỗ anh H1 đang đứng ở sân nhà chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vào vùng trán thái dương bên trái của anh H1. Sau đó N cầm con dao chạy đến cửa hàng hải sản của chị Nguyễn Kim T2 cách nhà bà H khoảng 300 mét, để con dao tại chậu rửa bát, sau đó chị T2 đưa N đến Công an thành phố H để đầu thú.

Biên bản khám nghiệm hiện trường thể hiện: tại nhà bà Trịnh Thị Mai H, số B tổ A khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Nhà có diện tích 35 m² được xây dựng kiên cố, cửa quay hướng Tây, tại góc Đông Nam có: khu nhà vệ sinh, khu nhà bếp, bể nước. Trước cửa nhà chính về phía Tây là khu vực sân bê tông. Trên sân bê tông, cách tường phía Tây nhà chính 4 m đánh dấu vị trí số 1 có đám vết máu dạng nhỏ giọt rải rác trong diện (16,6 x 1,1) m từ khu vực cổng nhà bà H, ra đường dân sinh; vị trí Lê Thu Hồng N chém anh Phạm Đức H1 tại sân bê tông phía Tây khu vực sân rửa – bể nước. Vị trí này cách điểm đầu đám máu về phía T 3,8 m và cách cửa ra vào khu sân rửa – bể nước về phía Đông 3,6 m.

Thu giữ tại hiện trường dấu vết máu vị trí số 1: 01 con dao đang dao chặt dài 33 cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng màu dài 20,5 cm loại lưỡi sắc, đầu bằng bản rộng nhất của lưỡi dao 9 cm, cán dao bằng gỗ dài 12,5 cm, bản rộng nhất của cán dao 3cm, trên lưỡi dao có dính chất màu đỏ nghi là máu trên diện (3x5) cm, mà chị T2 giao nộp.

Tại kết luận giám định số 117, ngày 26/2/2024 của Trung tâm P, kết luận: vết thương trán thái dương trái, tổn thương như sau: vết thương nằm chéo đã khâu dài 7,5 cm: 06%; gãy xương thái dương trái dài 24 mm tạm tính: 08%. Tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh Phạm Đức H1 tại thời điểm giám định là 14% (mười bốn phần trăm). Kết luận khác: vết thương nêu trên do vật sắc tác động trực tiếp gây

nên. Tồn thương ngày thứ 1, nạn nhân đang điều trị tại bệnh viện tỉnh Quảng Ninh, chưa đánh giá đầy đủ tổn thương và di chứng. Đề nghị điều trị ổn định, ra viện phôtô toàn bộ hồ sơ bệnh án, đến giám định bổ sung.

Tại kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 473 ngày 31/5/2024 kết luận: vết thương trán thái dương trái, tổn thương như sau: sẹo vết thương nằm chéo kích thước trung bình: 06%; gãy xương thái dương trái dài khoảng 20 mm, điện não đồ không thấy sóng điện Bệnh lý: 08%

Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Phạm Đức H1 tại thời điểm giám định là 14% (mười bốn phần trăm).

Tại kết luận giám định số 662 ngày 14/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q, kết luận: dấu vết máu thu tại vị trí số 1 ở hiện trường gửi giám định là máu của anh Phạm Đức H1; trên con dao gửi giám định có dấu vết máu của anh Phạm Đức H1.

Tại kết luận giám định pháp y tâm thần theo trung cầu số 320 ngày 07/11/2024 của V Bộ Y kết luận: Trước, trong khi thực hiện hành vi phạm tội và tại thời điểm giám định bị cáo Lê Thu Hồng N bị bệnh rối loạn cảm xúc và hành vi di chứng và khởi phát muộn do sử dụng nhiều loại ma túy, theo Phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 có mã F19.71.

Tại các thời trên bị cáo hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, bị hại anh Phạm Đức H1 không yêu cầu bị cáo Lê Thu Hồng N bồi thường thiệt hại.

Với nội dung như trên, bản Cáo trạng số 7011/CT-VKSQN-P2 ngày 30/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Lê Thu Hồng N về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, i, k khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, thừa nhận bị truy tố, xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Tại phiên tòa, bị hại Phạm Đức H1 có lời khai về hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo và tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại như nội dung vụ án và phù hợp với lời khai của bị cáo. Trong quá trình điều tra, bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nhưng tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, mẹ đẻ bị cáo là bà Trịnh Thị Mai H đã tự nguyện bồi thường cho anh số tiền 20.000.000 đồng, anh H1 đã nhận đủ số tiền trên. Tại phiên tòa, bị hại Phạm Đức H1 không yêu cầu thêm về trách nhiệm bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho bị cáo Lê Thu Hồng N.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đưa ra các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Lê Thu Hồng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”; áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thu Hồng N từ 18 đến 24 tháng tù; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có quan điểm: nhất trí với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố, đề nghị đối với bị cáo Lê

Thu Hồng N. Bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; tại phiên tòa, bị cáo N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và trước khi xét xử, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định cho bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị hại Phạm Đức H1 không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lê Thu Hồng N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng; các bản kết luận giám định pháp y về thương tích; biên bản khám nghiệm hiện trường; phù hợp với biên bản và bản ảnh thực nghiệm điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được làm rõ tại phiên tòa. Với những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 10 giờ 45 phút ngày 26/02/2024, tại nhà số B tổ A, khu I, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Lê Thu Hồng N sử dụng một con dao dạng chặt dài 33 cm, lưỡi dao bằng kim loại sáng màu dài 20,5 cm loại lưỡi sắc, cán dao bằng gỗ dài 12,5 cm chém vào vùng trán thái dương bên trái của anh Phạm Đức H1 gây thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể của anh H1 là 14 %.

Bị cáo mặc dù có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng vẫn có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý, đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác là khách thể được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì không đồng tình với việc bị Tổ công tác của Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H vận động đi chữa bệnh, bị cáo đã dùng dao, được xác định là hung khí nguy hiểm và chủ động tấn công, gây thương tích cho bị hại. Do vậy, hành vi của bị cáo Lê Thu Hồng N đã phạm vào tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i, k khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự). Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi; mẹ đẻ bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo đầu thú sau khi thực hiện hành vi phạm tội; có ông nội là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng nhiều huân huy chương. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo, đảm bảo chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhưng vẫn phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe đồng thời đáp ứng được yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình chuẩn bị xét xử, mẹ đẻ bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) con dao là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy

[7] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thu Hồng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ vào: điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, i, k khoản 1); điểm b, q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thu Hồng N: 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/02/2024.

Căn cứ vào: khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong của Phòng K - Công an tỉnh Q, bên trong có: 01 (một) con dao dạng dao chặt dài 33cm, lưỡi dao hình chữ nhật, bản rộng nhất của lưỡi dao là 9cm, cán dao bằng gỗ màu nâu dài 12,5cm.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng số 47 ngày 05 tháng 12 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Lê Thu Hồng N phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Cơ quan điều tra CA tỉnh QN;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh QN;
- Cục THADS tỉnh QN;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tam giam CA tỉnh QN;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nhật Duật